CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Container Việt Nam

Ngày 30/09/2025	29,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.1%	**73.5%**	**114.1**

DT thuần
Q3/25
844
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 37.0| 4.6%
YoY: ▲ 135| 19.1%

LN thuần
Q3/25
145
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.0| -13.6%
YoY: ▲ 39.0| 36.9%

LN sau thuế
Q3/25
113
tỷ VNĐ
QoQ: ▼36.0| -23.9%
YoY: ▲ 34.8| 45.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
27.4%
YoY: +/-▼ 0.7%

ROE (TTM)
Q3/25
8.5%
YoY: +/-▼ 0.2%

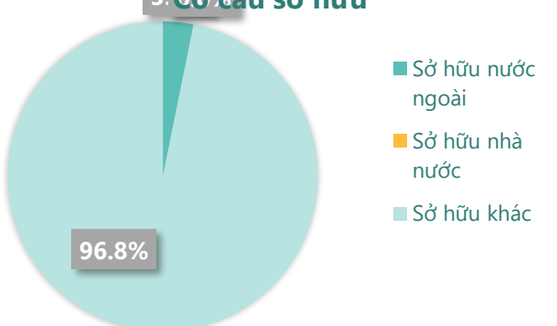
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,827 - 36,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,044
Số lượng CPLH (CP)	374,370,362
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,010,995
Sở hữu nước ngoài	3.2%
Beta	1.35
EPS	1,190
P/E	24.8

DT thuần
9T 2025
2,333
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 320| 15.9%

LN thuần
9T 2025
436
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 121| 38.3%

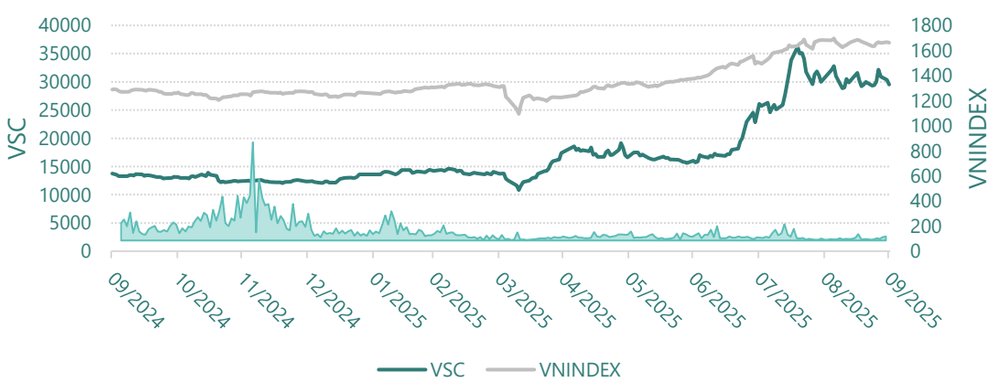
LN sau thuế
9T 2025
373
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 133| 55.7%

Cơ cấu sở hữu

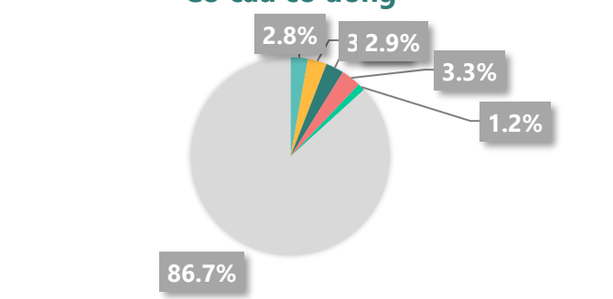


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



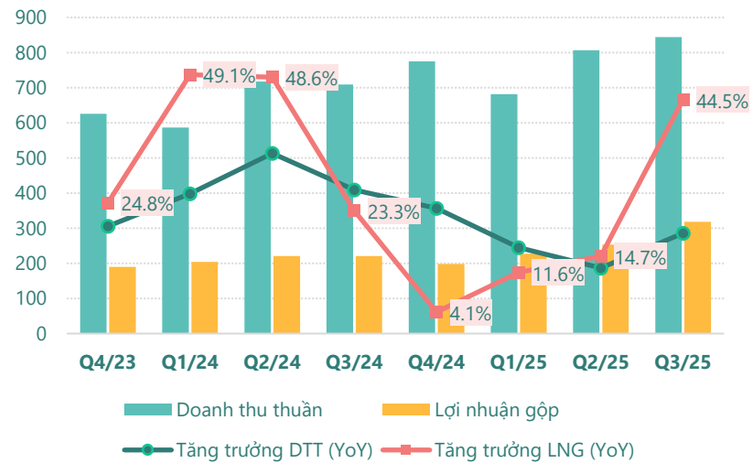
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

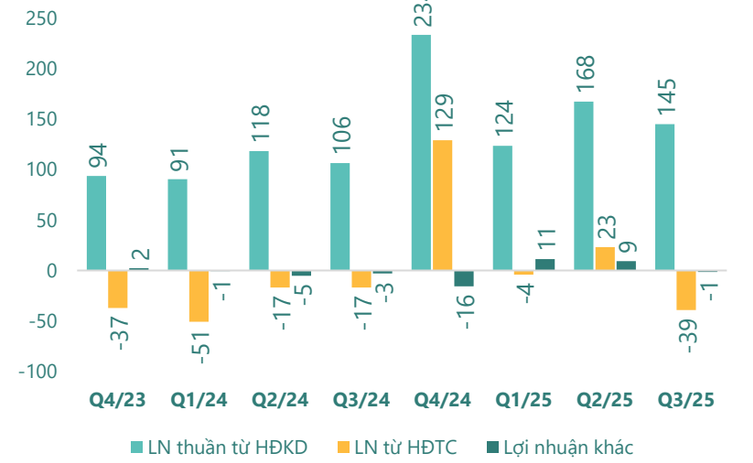
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



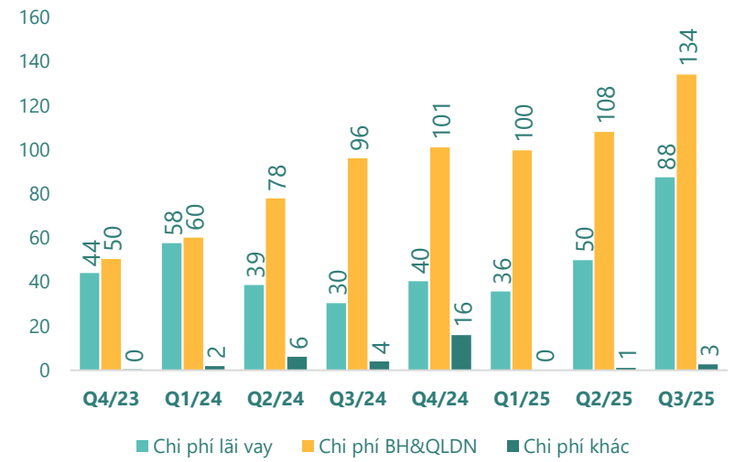
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



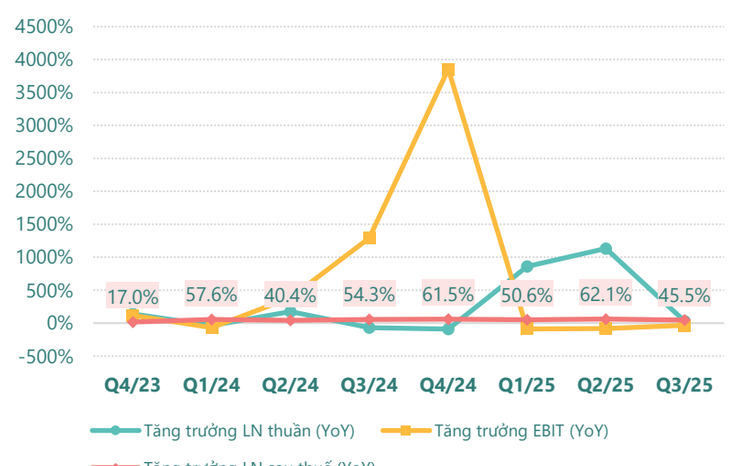
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



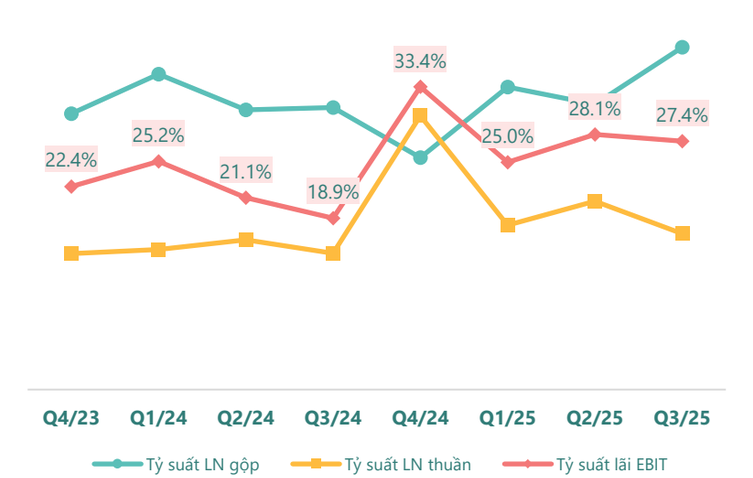
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



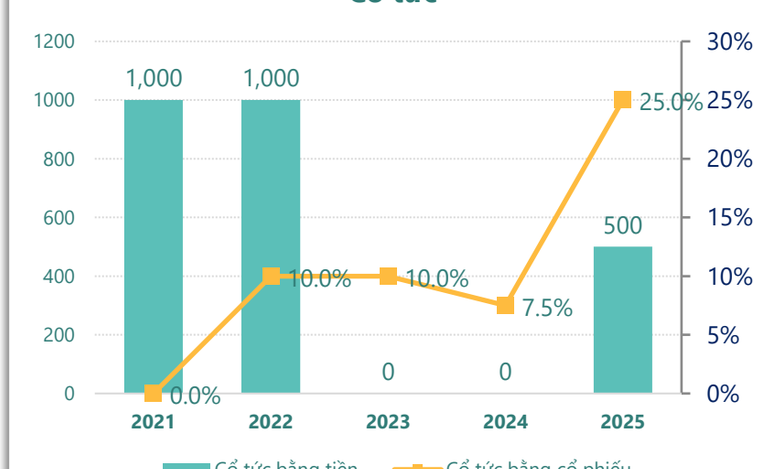
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

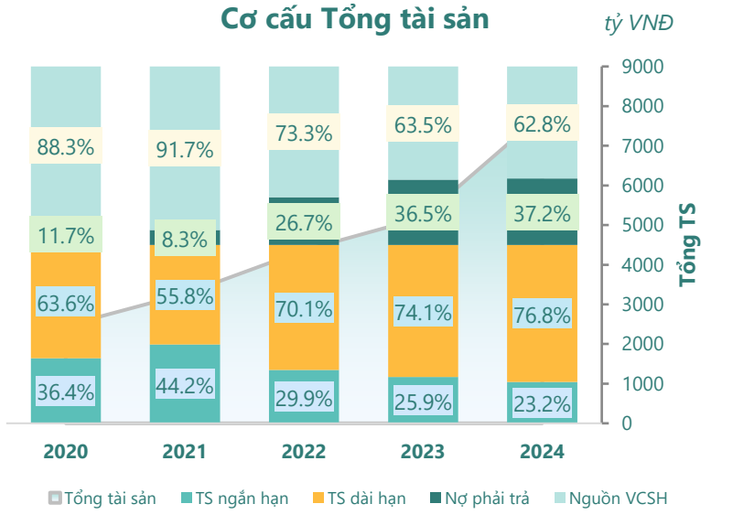
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

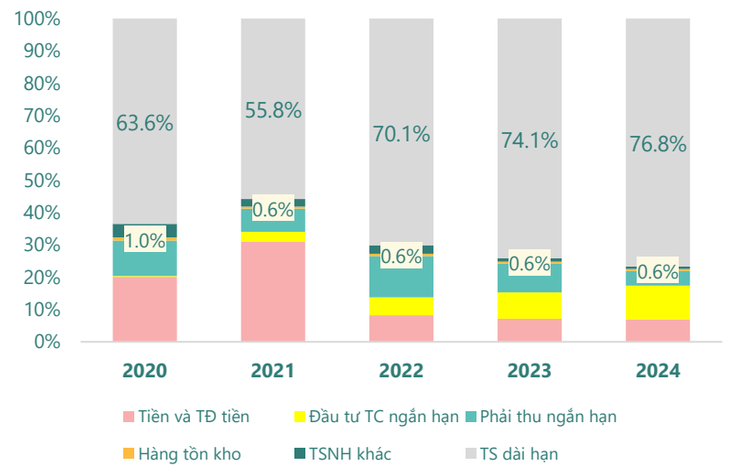
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



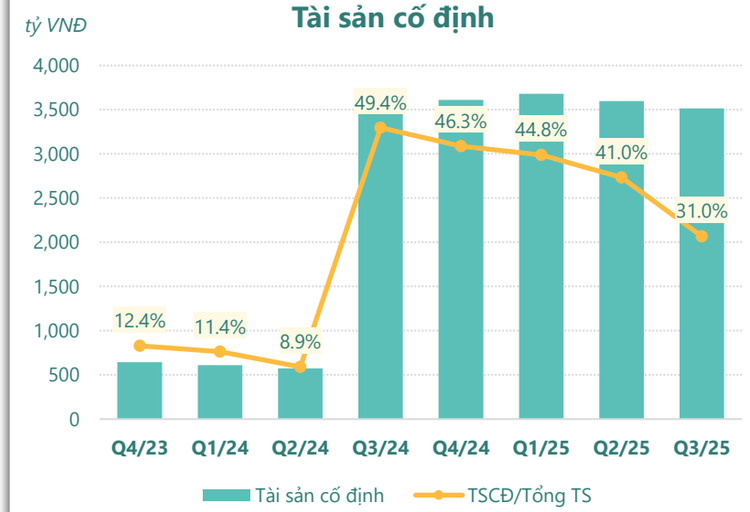
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



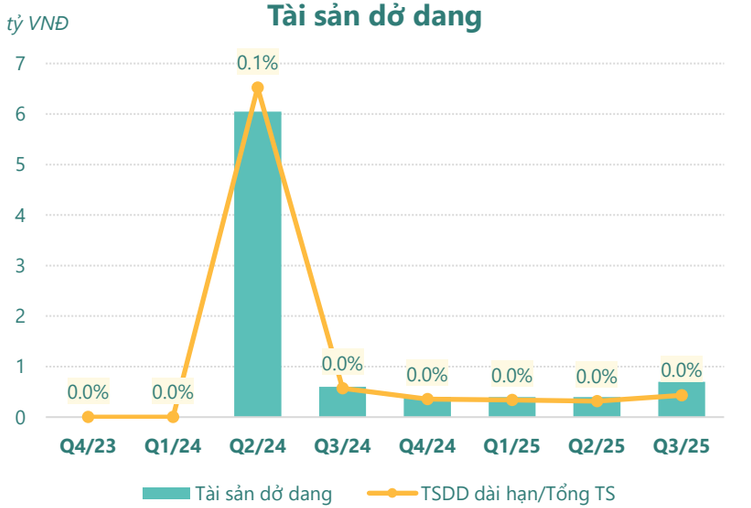
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



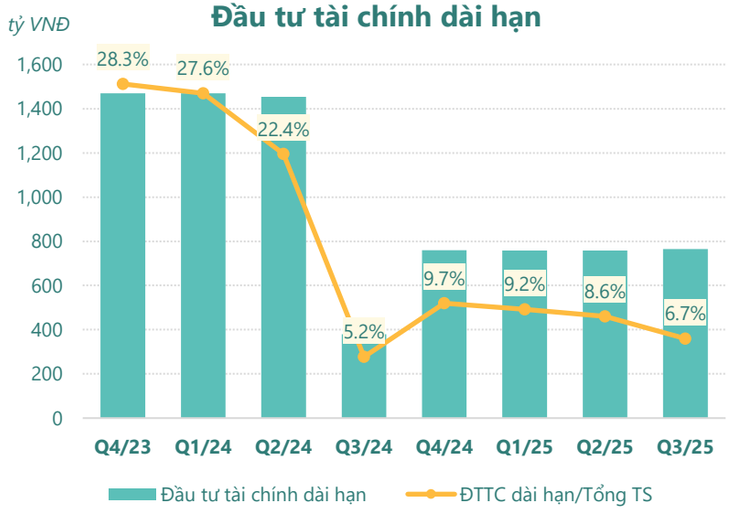
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



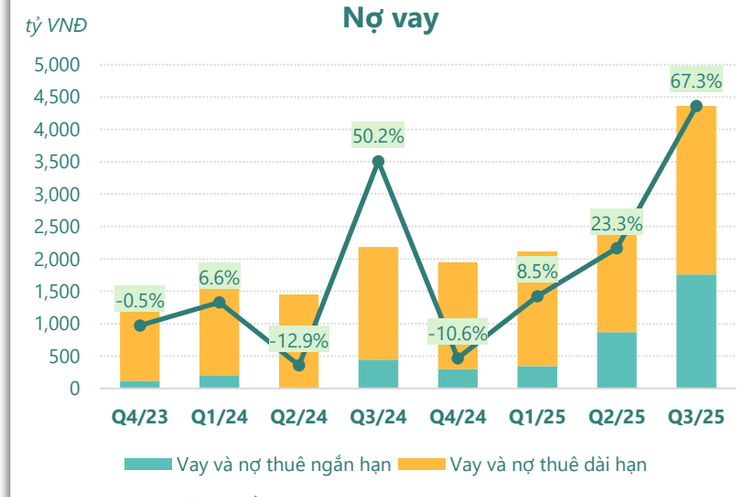
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

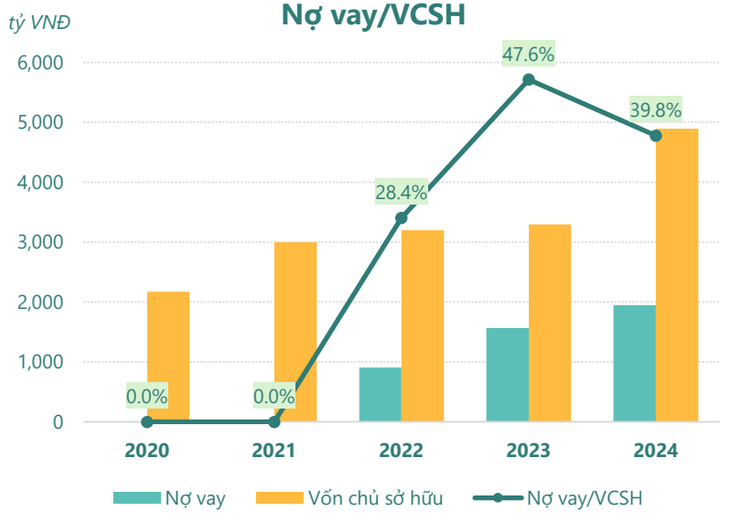
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

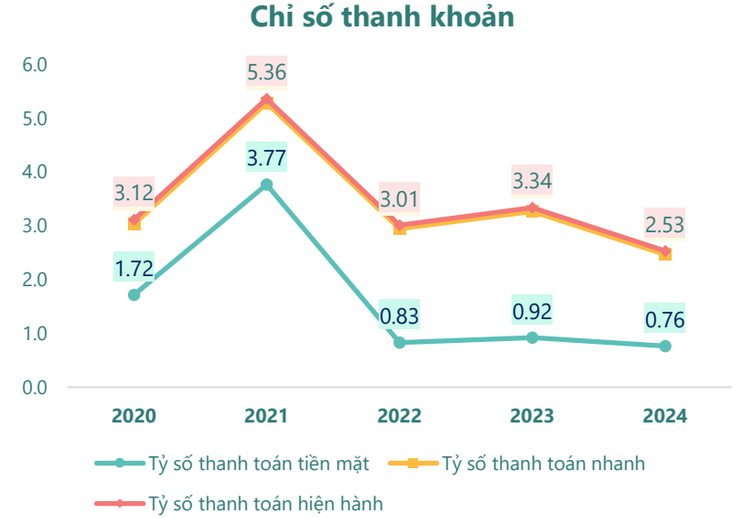
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



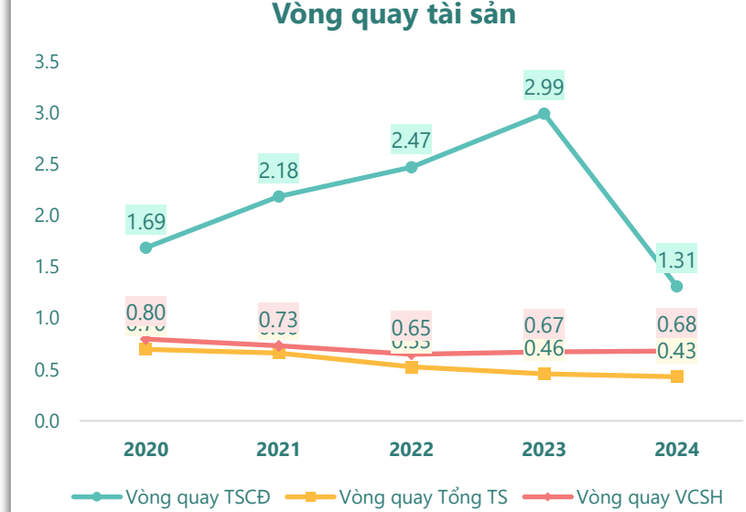
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



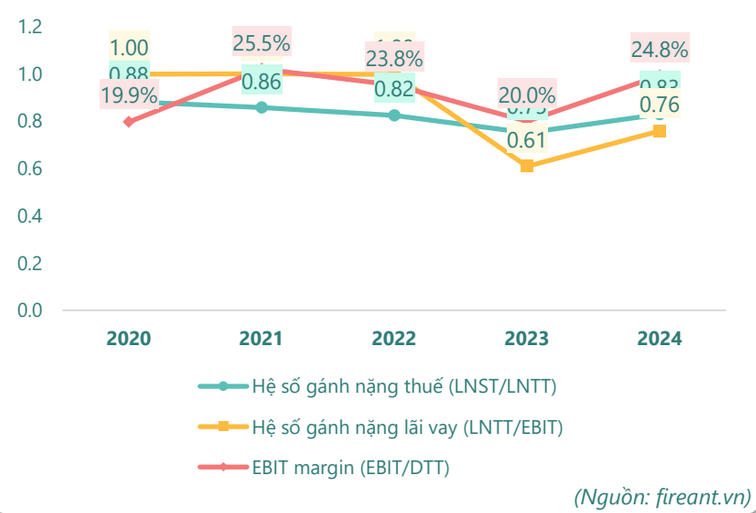
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



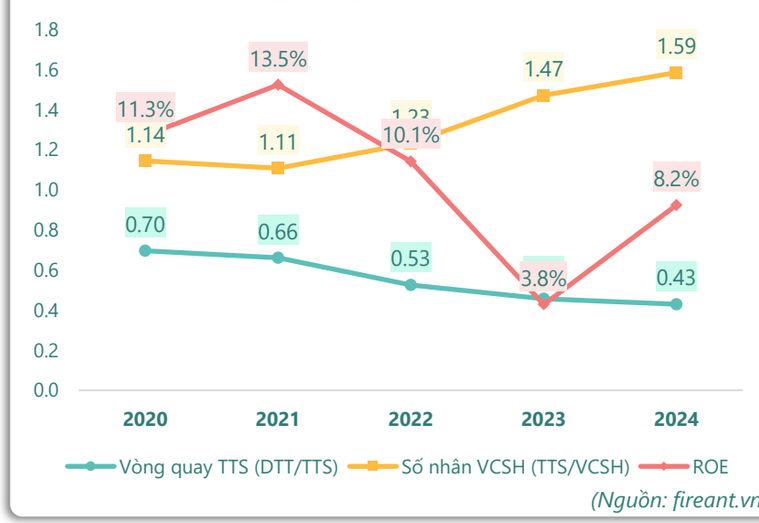
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



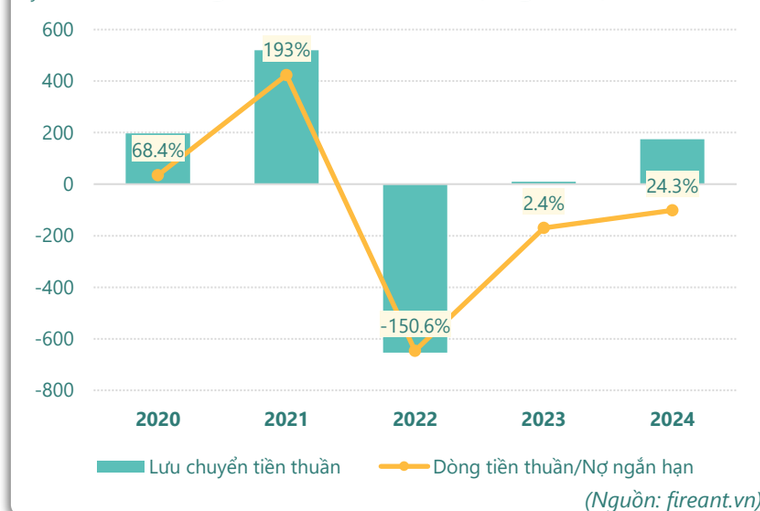
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**844**	**709**	**19.1%**	**2,333**	**2,013**	**15.9%**
Giá vốn hàng bán	526	489	7.5%	1,534	1,368	12.1%
Lợi nhuận gộp	318	220	44.7%	800	645	23.9%
Doanh thu HĐTC	63.4	14.9	325%	164	44.1	272%
Chi phí TC	103	31.7	223%	184	129	43.0%
Chi phí lãi vay	87.6	30.5	187%	173	127	36.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**-1.03**	**100%**	**-1.27**	**-11.1**	**88.6%**
Chi phí bán hàng	80.8	46.9	72.3%	177	108	63.5%
Chi phí QLDN	**53.4**	**49.3**	**8.3%**	**165**	**126**	**30.9%**
LN thuần từ HĐKD	145	106	36.9%	436	315	38.3%
Lợi nhuận khác	**-1.45**	**-2.98**	**51.4%**	**19.3**	**-8.96**	**316%**
LN trước thuế	144	103	39.5%	456	306	48.7%
Lợi nhuận sau thuế	**113**	**78.2**	**45.0%**	**373**	**240**	**55.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**79.0**	**53.9**	**46.6%**	**276**	**167**	**65.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-24.6	2,525	-2,622	65.0	-510	-1,420
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-872	-2,378	2,038	-20.7	-151	115
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	993	-200	527	292	451	1,425
Tiền đầu kỳ	557	656	601	547	883	677
Lưu chuyển tiền thuần	**96.3**	**-52.2**	**-56.5**	**337**	**-210**	**120**
Ảnh hưởng tỷ giá	2.67	-2.67	2.50	0.24	3.67	-3.67
Tiền cuối kỳ	656	601	547	883	677	793

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**11,326**	**7,795**	**45.3%**
Tài sản ngắn hạn	5,506	1,812	204%
Tiền và tương đương tiền	793	547	45.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,412	806	199%
Phải thu ngắn hạn	2,188	355	517%
Hàng tồn kho	50.4	47.5	6.2%
Tài sản ngắn hạn khác	62.0	56.2	10.3%
Tài sản dài hạn	**5,820**	**5,984**	**-2.7%**
Phải thu dài hạn	3.65	3.62	0.8%
Tài sản cố định	3,514	3,611	-2.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.70	0.40	76.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	764	759	0.7%
Tài sản dài hạn khác	**1,123**	**1,159**	**-3.1%**
Lợi thế thương mại	415	450	-7.8%
Nợ phải trả	5,417	2,899	86.8%
Nợ ngắn hạn	**2,299**	**715**	**222%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,759	300	487%
Phải trả người bán ngắn hạn	98.9	108	-8.2%
Nợ dài hạn	3,118	2,184	42.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,604	1,650	57.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,909**	**4,896**	**20.7%**
Vốn chủ sở hữu	**5,909**	**4,896**	**20.7%**
Vốn điều lệ	3,744	2,868	30.5%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)